

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2022/HS-ST**

Ngày: 01-3-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Út Lê

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hà Kiều Diễm

2. Ông Chu Văn Sín

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lý Sinh Hà - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:** Ông Triệu Ngọc Huân và ông Nông Văn Thượng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2022/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 02 năm 2022 đối với các bị cáo:

**1. Hoàng Văn D** (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 13 tháng 12 năm 1999 tại huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKKHKT: Thôn Th, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Văn S, sinh năm 1979 và bà Chương Thị D, sinh năm 1978; Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: Không.

**2. Hoàng Văn L** (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 18 tháng 8 năm 2002 tại huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKKHKT: Thôn Th, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Văn S, sinh năm 1979 và bà Chương Thị D, sinh năm 1978; Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Các bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/9/2021 đến ngày 17/02/2022. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

**- Người bào chữa cho các bị cáo Hoàng Văn D, Hoàng Văn L:** Ông Sầm Đức T-Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

- Bị hại: Anh Nông Văn K, sinh năm 1988 - Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1985 - Nơi cư trú: Tổ d, thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt, có lý do.

+ Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1996 - Nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 25/5/2021 anh Nông Văn K (giáo viên Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở T) đi ăn cơm, uống rượu, đến khoảng 20 giờ 30 phút quay về phòng của anh trong khu tập thể giáo viên khu bán trú học sinh nhà trường, dựng chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97B1-668.61 ở ngoài sân và cắm chìa khóa tại ổ khóa điện của xe rồi vào phòng ngủ.

Ngày 25/5/2021 Hoàng Văn D, sinh năm 1999 và Hoàng Văn L, sinh năm 2002 là hai anh em ruột, trú tại Thôn Th, xã T, huyện N cùng nhau đi tìm nấm linh chi trên đồi thuộc xã T tiếp giáp với xã Th, huyện N, đến khoảng 21 giờ cùng ngày, D và L đi bộ xuống khu bán trú học sinh Trường trung học cơ sở Th tìm chỗ ngủ, thời gian này học sinh đang trong thời gian nghỉ hè. Khi đến khu bán trú thấy cổng mở, D đứng ngoài cổng đợi, L một mình đi vào trong sân xem có người không, đến khu vực sân trước dãy phòng ở của tập thể giáo viên, L thấy 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 97B1-668.61 đang dựng ngoài sân, chìa khóa đang cắm tại ổ khóa điện của xe nên vặn chìa khóa kiểm tra xe, sau đó để chìa khóa ở vị trí cũ rồi đi ra cổng nói lại với D, hai người bàn bạc nhất trí cùng nhau lấy trộm xe mang đi bán, sau đó D và L cùng đi vào trong sân đến vị trí xe mô tô D quay đầu xe dắt đi ra cổng không nổ máy xe, L đi theo hộ đẩy. Hai người cùng nhau dắt, đẩy xe ra khỏi cổng khu bán trú đi lên đường bê tông, D ngồi lên xe điều khiển xe trôi xuống dốc, còn L đi bộ theo, đi được một đoạn đến gần nhà anh Mã Văn S thấy có camera gắn ngoài hiên nhà nên D dừng xe, L tìm xung quanh được một đoạn cây, D cởi một chiếc áo đang mặc trên người đưa cho L móc vào đầu cây che camera lại để không bị phát hiện, L che xong thì rút đoạn cây ngay gần nhà anh S rồi lên xe ngồi phía sau, D tiếp tục điều khiển cho xe trôi xuống dốc đến đoạn đường liên xã từ V đi T thì nổ máy hướng đi xã T, sau đó cùng nhau đi lên tỉnh Cao Bằng và bán chiếc xe mô tô trộm cắp được cho một người đàn ông tại thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng với giá 8.000.000 đồng rồi dùng số tiền này mua hai chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng để sử dụng, số tiền còn lại tiêu dùng cá nhân hết. Sau đó D và L đi bộ đến nơi sinh sống của mẹ đẻ tại xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng rồi D và L sống lang thang tại đây.

Ngày 26/7/2021 Công an xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng yêu cầu D và L đến trụ sở khai báo tạm trú, quá trình làm việc D và L đã tự thú khai nhận với Công an xã M toàn bộ hành vi trộm cắp xe mô tô ngày 25/5/2021 tại xã Th, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, đồng thời tự nguyện giao nộp một chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO và một chiếc điện

thoại nhãn hiệu VIVO màn hình cảm ứng mua bằng tiền bán xe mô tô trộm cắp. Sau khi tiếp nhận thông tin, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã phối hợp với Công an xã M, huyện N và Công an thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng tiếp nhận giải quyết vụ việc theo thẩm quyền.

Ngày 27/7/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại xe Jupiter, màu đỏ đen, biển kiểm soát 97B1-668.61 kèm một chìa khóa xe và một giấy đăng ký xe mô tô, xe máy được anh Lê Văn Đ mua của Hoàng Văn D ngày 26/5/2021 tại thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng với số tiền 8.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐG ngày 06/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện N kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại xe Jupiter, màu đỏ đen, biển kiểm soát 97B1-668.61 xe đăng ký lần đầu tháng 7/2017, giá trị của tài sản tại thời điểm xảy ra vụ việc là 19.200.000 đồng (mười chín triệu hai trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo thừa nhận: Ngày 25/5/2021 D và L lên rừng tìm nấm linh chi, đến tối đi vào khu bán trú học sinh tại xã Th, huyện N tìm chỗ ngủ thì thấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97B1-668.61 có chìa khóa đang cắm tại ổ khóa điện của xe nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, hai người bàn bạc thống nhất trộm xe đi bán lấy tiền tiêu dùng cá nhân, sau khi lấy được xe D và L đi lên thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng trên đường đi kiểm tra trong cốp xe có giấy đăng ký xe và một số vật dụng khác, nên L đã vứt một số vật dụng ở lề đường, giữ lại giấy đăng ký xe, D là người trực tiếp trao đổi với người mua xe, rồi dùng tiền bán xe mua hai chiếc điện thoại di động cho D và L mỗi người một chiếc để chơi điện tử. Khi Công an xã M yêu cầu khai báo tạm trú, D và L đã tự thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Bản cáo trạng số 06/CT-VKSNS, ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố các bị cáo Hoàng Văn D, Hoàng Văn L về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

*Tại phiên tòa:* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố.

\* Về trách nhiệm hình sự:

- Về hình phạt chính: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn D, Hoàng Văn L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, điểm b, i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Hoàng Văn D, Hoàng Văn L.

Xử phạt mỗi bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng.

- Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

\* Về xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 106 BLTTHS; Điều 47 Bộ luật Hình sự. Trả lại cho 02 bị cáo 02 điện thoại; Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc áo, 01 đoạn gậy tre.

\* Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

\* Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo có bản bào chữa nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng với các bị cáo. Về mức hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Văn D, Hoàng Văn L mức hình phạt tù 12 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo.

Về án phí: Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Các bị cáo khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố và nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, bản bào chữa của người bào chữa; Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, bổ sung bào chữa hay khiếu nại gì. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Lời sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét mức án nhẹ nhất cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên, người bào chữa cho các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lê Văn Đ vắng mặt nhưng đã có lời khai và ý kiến trong hồ sơ và có ý kiến, đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của anh Đ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 21 giờ ngày 25/5/2021 tại khu bán trú học sinh Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Th thuộc thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, Hoàng Văn D và Hoàng Văn L đã có hành vi cùng nhau lén lút vào khu bán trú của trường chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 97B1-668.61 của anh Nông Văn K là giáo viên nhà trường, sau đó mang đi bán lấy tiền sử dụng cá nhân. Tại Kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐG ngày 06/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện N kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại xe Jupiter, màu đỏ đen, biển kiểm soát 97B1-668.61 xe đăng ký lần đầu tháng 7/2017, giá trị của tài sản tại thời điểm xảy ra vụ việc là 19.200.000 đồng (mười chín triệu hai trăm nghìn đồng).

Vì vậy, hành vi của các bị cáo Hoàng Văn D, Hoàng Văn L đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

### **Điều luật có nội dung:**

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...*

*5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”*

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức pháp luật nhưng đã lợi dụng sơ hở của người khác để chiếm đoạt tài sản.

Trong vụ án này, hai bị cáo là đồng phạm, tuy nhiên, tính chất đồng phạm là giản đơn, hai bị cáo đều cùng bàn bạc và đều có vai trò là người thực hành. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác để sử dụng cá nhân, đồng thời do hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn, thiếu sự quan tâm, giáo dục của bố mẹ, phải tự đi làm để nuôi sống bản thân từ khi còn nhỏ tuổi dẫn đến các bị cáo có hành vi phạm tội.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Bị cáo Hoàng Văn D và Hoàng Văn L đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bản thân; tự nguyện tác động người thân bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho anh Lê Văn Đ số tiền 8.000.000 đồng; tự thú khai ra hành vi phạm tội của

bản thân trước đó; được người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

**[5] Về hình phạt đối với bị cáo**

Về hình phạt chính: Xét tính chất hành vi phạm tội, nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo để thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật, tạo điều kiện cho các bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương. Việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng đến an ninh trật tự an toàn xã hội. Hình phạt kiểm sát viên, người bào chữa đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

**[6] Về xử lý vật chứng trong vụ án**

- 02 (hai) điện thoại di động tạm giữ của Hoàng Văn D và Hoàng Văn L cần trả lại cho 02 bị cáo.

- 01 (một) chiếc áo phông; 01 (một) đoạn gậy tre xét không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại xe Jupiter, màu đỏ đen, biển số đăng ký 97B1-668.61, xe cũ đã qua sử dụng, kèm một chìa khóa xe; 01 (một) giấy đăng ký mô tô, xe máy số 027652 mang tên Nông Văn K. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nông Văn K. Việc trả lại các tài sản trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nông Văn K đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Văn Đ đã được gia đình các bị cáo bồi thường. Chị Hoàng Thị D (chị gái của 02 bị cáo) không yêu cầu các bị cáo hoàn trả số tiền đã thay các bị cáo bồi thường. Anh Đ, chị D không có yêu cầu gì thêm về dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ. Các bị cáo đều có đơn xin miễn án phí. Do vậy các bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Vấn đề liên quan trong vụ án: Đối với Lê Văn Đ là người mua xe của D, khi mua bán có giấy đăng ký xe đầy đủ, Đ không biết xe do phạm tội mà có, do đó, cơ quan điều tra không có căn cứ xem xét xử lý hành vi này của Đ. Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn D, Hoàng Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”**

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, điểm b, i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Hoàng Văn D

Xử phạt bị cáo 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, điểm b, i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Hoàng Văn L

Xử phạt bị cáo 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Hoàng Văn D, Hoàng Văn L cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

*“Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này”.*

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

**2. Về xử lý vật chứng trong vụ án:** Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

2.1. Trả lại cho Hoàng Văn D 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO; Trả lại cho Hoàng Văn L 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO có trong: 01 (một) phong bì dán kín niêm phong mặt trước phong bì ghi: “02 (hai) điện thoại tạm giữ của Hoàng Văn D, Hoàng Văn L, ký hiệu: ĐT1”, mặt sau phong bì có: 01 (một) chữ “L”, 01 (một) chữ “D”; 01 (một) dòng chữ “Doanh Sơn T”; 01 (một) dòng chữ “Hoàng Văn L”; 01 (một) dòng chữ “Hoàng Văn D”; 01 (một) dòng chữ “Mã Văn T”; 02 (hai) chữ ký không đọc được và 02 (hai) dấu tròn đỏ, dấu của Cơ quan CSĐT Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

2.2. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) chiếc áo phông cộc tay cổ bẻ, màu xanh; mặt đằng trước có nhiều họa tiết, hoa văn; mặt đằng sau có ghi dòng chữ “PHÒNG GD&ĐT NGÂN SƠN” màu vàng.

- 01 (một) đoạn gậy tre, màu vàng dài 1,44m; 01 đầu có đường kính 3,3cm có nhiều vết cắt, chặt bờ mép nham nhở; đầu còn lại được chặt vát nhọn, vết chặt bờ mép sắc gọn.

*(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/01/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).*

**3. Về án phí:** Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**4. Quyền kháng cáo:**

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười năm ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn mười năm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Nhà tạm giữ Công an huyện;
- CA huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Hoàng Út Lệ**